ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 133/2026/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 18 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cộng đồng dân cư tự thực hiện thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc

gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 491/TTr-STC ngày 07 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định ban hành Quy định hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cộng đồng dân cư tự thực hiện thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Quy định hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cộng đồng tự thực hiện thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *28* tháng *9* năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Giám đốc Kho bạc nhà nước Khu vực XIII; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, NN&MT, DT&TG;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TTTU, TTHĐND thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng;
- Chủ tịch, các PCT, UV UBND thành phố;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- CVP, các PCVP UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- UBND các phường, xã, đặc khu;
- Báo và PT, TH Đà Nẵng;
- Công báo thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, STC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Nam Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cộng đồng tự thực hiện thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số:133 /2026/QĐ-UBND, ngày18 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cộng đồng tự thực hiện đối với các dự án có tính chất kỹ thuật đơn giản và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công đối với dự án có tính chất kỹ thuật đơn giản và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng thuộc danh mục loại dự án đặc thù của chương trình mục tiêu quốc gia được Ủy ban nhân dân thành phố quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao cho cộng đồng dân cư (thông qua Ban phát triển thôn) tự thực hiện dự án.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã hoặc Phòng chuyên môn được giao thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia (có đủ điều kiện, năng lực hoạt động xây dựng) làm chủ đầu tư. Chi phí quản lý dự án thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư xây dựng.

2. Định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho công trình áp dụng cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 4 Quyết định này. Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trên kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành của chủ đầu tư.

3. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định về quản lý đầu tư công và ngân sách nhà nước của pháp luật hiện hành và theo nội dung hướng dẫn tại Quy định này.

4. Các dự án được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ sử dụng từ nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thì thực hiện theo Quy định này.

5. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cơ quan có liên quan trong quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguồn vốn hỗ trợ

Vốn đầu tư công thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 4. Định mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ

1. Đối với các chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đơn giản, quản lý dự án, giám sát thi công và chi phí khác của công trình: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

2. Đối với chi phí thi công xây dựng:

a) Đối với xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn; thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn của xã, phường không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí theo dự toán được duyệt.

b) Đối với xã, phường còn lại (không bao gồm thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn ở trên): Ngân sách nhà nước hỗ trợ 90% chi phí theo dự toán được duyệt, phần còn lại nhân dân đóng góp và từ nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Hình thức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền.

Điều 5. Quản lý, thanh toán vốn

1. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án và các văn bản hướng dẫn liên quan. Đối với công trình giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện theo Quy định này không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn.

2. Các dự án giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình được chủ đầu tư ký kết hợp đồng với người đại diện của cộng

đồng dân cư (Ban Phát triển thôn). Ban Phát triển thôn ký kết hợp đồng xây dựng với người dân trực tiếp tham gia thi công thi công xây dựng công trình.

3. Cơ quan kiểm soát, thanh toán có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

4. Cơ quan tài chính các cấp, cơ quan kiểm soát, thanh toán (Kho bạc Nhà nước) có trách nhiệm nhập và phê duyệt vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) theo phân cấp và quy định hiện hành.

Điều 6. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn

1. Hồ sơ pháp lý: Chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu sau đây đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán (gửi lần đầu khi giao dịch với cơ quan kiểm soát, thanh toán hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh), các tài liệu này là bản chính hoặc sao y bản chính của chủ đầu tư, bao gồm:

a) Kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm được cấp có thẩm quyền giao;

b) Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện xây dựng công trình;

d) Bảng tổng hợp thông tin hợp đồng đối với trường hợp thực hiện theo hợp đồng (Mẫu số 02.a/TT - Nghị định 254/2025/NĐ-CP) (chủ đầu tư lập theo hợp đồng đã có hiệu lực và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin tại bảng);

e) Văn bản phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo Bảng tổng hợp thông tin dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư (Mẫu số Mẫu số 02.b/TT - Nghị định 254/2025/NĐ-CP) (đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư).

2. Hồ sơ tạm ứng vốn (Áp dụng mẫu kèm theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP):

a) Giấy đề nghị thanh toán: Theo Mẫu số 04.a/TT;

b) Giấy rút vốn: Theo Mẫu số 05a/TT.

3. Hồ sơ thanh toán (Áp dụng mẫu kèm theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP):

a) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện thông qua hợp đồng

(i) Giấy đề nghị thanh toán vốn: Mẫu số 04.a/TT;

(ii) Giấy rút vốn: Mẫu số 05.a/TT;

(iii) Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng: Mẫu số 04.b/TT kèm theo (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng);

(iv) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT).

b) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng

Đối với trường hợp khác mà khối lượng công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng (bao gồm cả chi phí quản lý dự án trong trường hợp ban quản lý dự án, chủ đầu tư trực tiếp quản lý 01 dự án), hồ sơ thanh toán gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT), giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT).

c) Đối với nhiệm vụ, dự án đã hoàn thành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, hồ sơ thanh toán gồm: giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT), Quyết định phê duyệt quyết toán, giấy rút vốn (Mẫu số 05.a/TT).

4. Chủ đầu tư chuyển trả tiền trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của người đại diện cộng đồng thực hiện thi công xây dựng công trình.

Điều 7. Quyết toán vốn đầu tư theo năm ngân sách (Quyết toán theo niên độ)

1. Đối với vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến việc giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước lập báo cáo quyết toán theo niên độ khi kết thúc năm ngân sách.

2. Trình tự, thời hạn lập, xét duyệt và gửi báo cáo quyết toán theo niên độ: Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán niên độ của chủ đầu tư, sở, ban thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt quyết toán niên độ của Uỷ ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 8. Quyết toán vốn đầu tư dự án

1. Các dự án giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình khi hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành. Công trình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành phải quyết toán toàn bộ vốn đầu tư công trình bao gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn đóng góp của người dân và các nguồn vốn khác.

2. Lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án, thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; nội dung thẩm tra quyết toán; thời hạn quyết toán; chế độ báo cáo, kiểm tra và các nội dung có liên quan khác: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 193/2026/NĐ-CP và Thông tư số 73/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án.

3. Thành phần hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ trì chương trình mục tiêu quốc gia và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước chi tiết theo ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 05 năm để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định;

b) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan trong việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố đảm bảo kinh phí từ ngân sách thành phố theo quy định hiện hành; kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư.

2. Kho bạc Nhà nước khu vực XIII: Chỉ đạo các Phòng Giao dịch kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định của pháp luật hiện hành và Nghị định số 254/2025/NĐ-CP; đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng; thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố, Chi cục Phát triển nông thôn thành phố: căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phối hợp tổ chức thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu:

a) Chỉ đạo việc triển khai thực hiện các dự án giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi tự thực hiện xây dựng công trình trên địa bàn xã theo cơ chế đặc thù; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn cấp xã tham gia thực hiện xây dựng công trình;

b) Thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình;

c) Quyết định kế hoạch bảo trì, giao cho Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý vận hành và thực hiện bảo trì công trình xây dựng;

5. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã hoặc Phòng chuyên môn được giao thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia:

a) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức huy động sự đóng góp của nhân dân để thi công công trình. Tổng hợp theo dõi chi tiết các khoản nhân dân đóng góp xây dựng công trình;

c) Tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu hoàn thành công trình, xây dựng kế hoạch bảo trì.

6. Ban phát triển thôn:

a) Lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản trình Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Ký kết hợp đồng xây dựng với người dân trực tiếp tham gia thi công xây dựng công trình;

c) Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt trước và trong khi thi công xây dựng; thi công và kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình theo đúng yêu cầu của thiết kế theo Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản và hợp đồng xây dựng;

d) Lập nhật ký thi công xây dựng công trình, lưu trữ bản vẽ hoàn công, hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình; lưu trữ và bàn giao bản vẽ hoàn công, hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình cho chủ đầu tư khi hoàn thành công trình. Bản vẽ hoàn công được lập theo quy định của pháp luật về xây dựng;

đ) Trực tiếp quản lý vận hành khai thác công trình xây dựng.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế thì các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.